

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HÀ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2021

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Liên;

2. Bà Nguyễn Bích Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hải Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đoàn Thị A, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh;

Có mặt tại phiên tòa;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thế B, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Thôn Z, xã Q, huyện H, Quảng Ninh;

Vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế B trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn Z, xã Q, huyện H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn giữa việc ứng xử với con riêng của hai bên dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, không còn tiếng nói chung, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Chị nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế B.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh B không có con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và khoản nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thế B không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cũng như các phiên hòa giải tại Tòa án, không có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, anh B có lời khai thừa nhận điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị A trình bày là đúng. Hai vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2020 do bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế, không thống nhất được cách ứng xử với con riêng. Do đó, chị A đã bỏ về Móng Cái và không quay lại nữa. Đối với yêu cầu của chị A về việc ly hôn, anh B không đồng ý. Anh cho rằng anh không đánh đập chửi bới, không đuổi mà chị A tự ý bỏ đi.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị A không có con chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và khoản nợ chung: Anh xác định anh và chị A không có tài sản và khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, Hội Liên hiệp phụ nữ xã Q, huyện H cung cấp “Anh B và chị A sau khi kết hôn chung sống tại nhà anh B tại thôn Z, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, còn cụ thể mâu thuẫn thế nào địa phương không nắm rõ” (bút lục số 31).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà phát biểu quan điểm:

- Về trình tự, quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Thông báo thụ lý, Kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng. Những người tham gia tố tụng về cơ bản đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chỉ cung cấp lời khai, không tham gia phiên họp, phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ kết hợp với việc hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, đối chiếu với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đoàn Thị A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thế B. Anh B có hộ khẩu thường trú và hiện tại đang cư trú tại thôn Z, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị A về hôn nhân: Chị A và anh B tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 đăng ký ngày 10/10/2018 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H tỉnh Quảng Ninh cấp, nên hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, mặc dù trong quá trình giải quyết, anh B có lời khai đưa ra quan điểm không đồng ý ly hôn; Tuy nhiên, anh B thừa nhận giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn cãi vã nhau, đại diện chính quyền địa phương cũng xác nhận sự việc trên. Bên cạnh đó, anh chị đều xác nhận hiện đã sống ly thân. Tại phiên tòa, chị A xác định không còn tình cảm gì với anh B và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị A và anh B là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc chị A cương quyết ly hôn với anh B là có cơ sở, chấp nhận xử cho chị Đoàn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Thế B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị A và anh B không có con chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị A và anh B xác định anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Đoàn Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản

5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị A về việc tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Thế B.

1/. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Thế B.

2/. Về án phí: Chị Đoàn Thị A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị A đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006981 ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vương Thị Thanh